

NGUYỄN MẠNH BÁCH

Tiến sĩ Luật khoa

Luật sư

TÌM HIỂU LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

- CHẾ ĐỘ HÔN SÂN
- THỪA KẾ

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

3H(V)H
221759

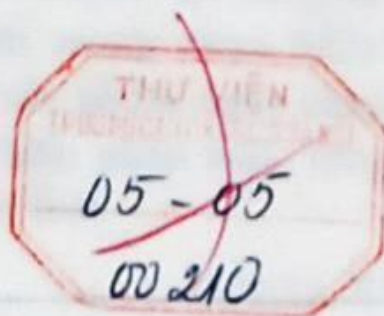
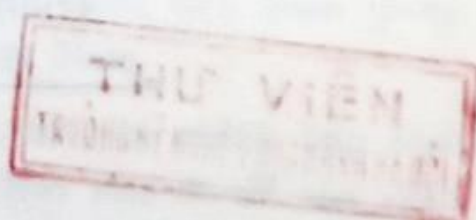
NGUYỄN MẠNH BÁCH
Tiến sĩ Luật khoa
Luật sư



TÌM HIỂU

LUẬT DÂN SỰ VIỆT NAM

- CHẾ ĐỘ HÔN SẮN
- THỪA KẾ



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

LỜI GIỚI THIỆU

Nhằm góp phần giúp bạn đọc tìm hiểu thêm về Bộ luật Dân sự vừa mới được Quốc Hội ban hành, Nhà xuất bản Đồng Nai cho xuất bản tập sách *Tìm hiểu luật Dân sự Việt Nam* của tác giả Nguyễn Mạnh Bách, Tiến sĩ Luật khoa, Luật sư, hiện đang giảng dạy tại Khoa luật trường Đại học Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Đây là tựa đầu tiên trong bộ sách: *tìm hiểu luật dân sự Việt Nam*; nội dung sách đi sâu tìm hiểu về chế độ hôn nhân và thừa kế vốn là những vấn đề thiết thân, gắn liền với đời sống mà mỗi chúng ta đều quan tâm.

Tác giả Nguyễn Mạnh Bách đã dày công nghiên cứu, trình bày có hệ thống chế độ hôn nhân và thừa kế trong luật Việt Nam từ trước đến nay nhằm giúp bạn đọc so sánh, đối chiếu một cách khoa học để có thể kế thừa những hạt nhân hợp lý của quá khứ, tránh đi những sai phạm có thể có, nhằm hiểu sâu hơn chế độ hôn nhân, thừa kế hiện nay và nhất là thấy được bước tiến quan trọng trong quá trình xây dựng luật Dân sự Việt Nam.

Mặc dù tác giả đã lao động nghiêm túc, tu chỉnh bản thảo nhiều lần, song cũng có thể có những điểm nào đó đề cập chưa toàn diện, còn khiếm khuyết, đó cũng là điều tất nhiên của khoa học. Nhà xuất bản rất mong nhận được nhiều ý kiến góp ý của đông đảo bạn đọc để tác phẩm ngày càng hoàn hảo hơn, phục vụ tốt hơn nhu cầu tìm hiểu pháp luật, từng bước xây dựng lối sống và làm việc theo pháp luật.

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

TỰA

Bộ Luật Dân Sự Việt Nam ra đời đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng luật pháp ở nước ta. Nhiệm vụ của các nhà luật học giờ đây là phải nghiên cứu và phổ biến Bộ Luật này để nó trở thành một hiện thực trong đời sống xã hội.

Nhằm mục đích đóng góp một phần khiêm tốn trong công tác này, tác giả có kế hoạch biên soạn một bộ sách tìm hiểu Bộ Luật Dân Sự Việt Nam mà đối tượng trước hết là sinh viên Luật Khoa, sau nữa các nhà nghiên cứu và thực hành cùng rộng rãi công chúng muốn tìm hiểu pháp luật.

Tùy theo nhu cầu, bộ sách này sẽ được xuất bản từng cuốn, mỗi cuốn liên hệ đến một phần của Bộ Luật Dân Sự, khi hoàn thành bộ sách bạn đọc sẽ có một tài liệu đầy đủ về nội dung Bộ Luật Dân Sự Việt Nam.

Công trình khó khăn và phức tạp, tác giả rất mong được sự cộng tác và góp ý của các thức giả có thiện chí.

Tháng 01 năm 1996

NGUYỄN MẠNH BÁCH

CHƯƠNG DẪN NHẬP

Gia đình Việt Nam từ ngàn xưa vẫn được coi là nền tảng của xã hội, trong các bộ luật đầu tiên của ta như bộ luật Hồng Đức đời nhà Lê, bộ luật Gia Long đời nhà Nguyễn đã có nhiều điều khoản quy định về các quan hệ trong gia đình, quan hệ giữa vợ chồng với nhau, quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Gia đình cũng còn đặt ra những quan hệ về tài sản, quan hệ tài sản giữa vợ chồng với nhau đó là chế độ hôn sản và quan hệ tài sản giữa cha mẹ và con cái trong trường hợp cha mẹ chết đi có để lại của cải, đó là quan hệ thừa kế.

Đoạn I - KHAI NIỆM TỔNG QUÁT

1. Chế độ hôn sản gồm một số nguyên tắc quy định quyền hạn của hai vợ chồng trên các tài sản chung, sự đóng góp tiền bạc của hai vợ chồng trong thời gian hôn nhân, các quyền lợi của người thứ ba giao dịch với họ và những quyền lợi của mỗi người vợ chồng khi hôn thú chấm dứt. Sự quy định về chế độ hôn sản là một điều cần thiết để bảo vệ quyền lợi của gia đình, tránh những tranh chấp có thể xảy ra làm tổn thương đến hòa khí và sự đoàn kết trong gia đình. Sự quy định ấy cũng còn cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các người thứ ba có những quan hệ về tài sản với hai vợ chồng, bởi vì theo luật, tài sản của người đi vay là vật thế chấp cho những món nợ và làm đảm bảo quyền lợi của người cho vay, những người này cần phải biết chế độ hôn sản của hai vợ chồng vì tùy theo chế độ này mà quyền lợi của họ sẽ được bảo đảm nhiều hay ít.

Trên nguyên tắc, hai vợ chồng có thể thỏa thuận với nhau để tự hoạch định một chế độ hôn sản cho họ bằng một hợp đồng đặc biệt gọi là hôn khế, trong trường hợp họ không thể thỏa thuận với nhau được, khi đó luật pháp sẽ thay thế họ quy định một chế độ

hôn sản cho họ. Sở dĩ như vậy là vì hôn nhân nêu lên nhiều vấn đề tiền tài hết sức quan trọng, như sự đóng góp của mỗi vợ chồng về các chi tiêu chung trong gia đình, sự quản trị, hưởng dụng và chuyển dịch các của cải của hai vợ chồng, số phận các lợi tức và tài sản tạo mãi trong thời gian hôn thú. Trong trường hợp hai vợ chồng tự ý quy định với nhau một chế độ hôn sản bằng hôn ước thì khi đó người ta gọi chế độ này là chế độ hôn sản ước định. Còn nếu chế độ hôn sản do luật pháp quy định thì đó là chế độ hôn sản pháp định.

Áp dụng nguyên tắc tự do về hợp đồng đã được hầu hết luật pháp của các quốc gia công nhận, hai vợ chồng được tùy ý lựa chọn một chế độ hôn sản nào thích hợp nhất đối với họ. Thường các chế độ được lựa chọn có thể quy tụ vào 2 chế độ sau đây. Chế độ cộng đồng và chế độ phân sản.

Chế độ cộng đồng

Trong chế độ cộng đồng một phần hoặc toàn thể tài sản của hai vợ chồng hợp thành một khối chung gọi là khối cộng đồng tài sản. Khi giá thú chấm dứt khối này sẽ được phân chia cho hai vợ chồng hoặc cho các thừa kế của họ. Khối cộng đồng có thể bao gồm mọi tài sản hiện hữu và tương lai của hai vợ chồng đó là chế độ cộng đồng toàn sản; Vì khối này bao gồm mọi tài sản của hai vợ chồng có trước và trong thời gian hôn thú, cho nên khối cộng đồng cũng phải gánh chịu mọi khoản nợ của hai vợ chồng có trước hay trong thời gian hôn thú.

Khối cộng đồng có thể chỉ gồm các tài sản do hai vợ chồng tạo mãi trong thời gian hôn thú, đó là chế độ cộng đồng tạo sản. Trong chế độ cộng đồng tạo sản thì khối cộng đồng sẽ phải gánh chịu các khoản nợ do vợ hay chồng vay trong thời gian hôn thú vì nhu cầu sinh hoạt của gia đình.

Ngoài ra khối cộng đồng có thể bao gồm các động sản hiện hữu và tương lai cộng thêm các tài sản tạo mãi trong thời gian

hôn thú, đó là chế độ cộng đồng động sản và tạo sản. Trong chế độ này, thì ngoài các khoản nợ do vợ hay chồng vay trong thời gian hôn thú vì nhu cầu sinh hoạt của gia đình. Khối cộng đồng còn phải gánh chịu thêm một phần các khoản nợ của vợ hay chồng có trước khi lập hôn thú, tương đương với các động sản mà họ đóng góp vào khối cộng đồng.

Hơn nữa, trong các chế độ cộng đồng vừa liệt kê, hai vợ chồng có thể quy định quyền hạn của mỗi người trong việc quản lý khối cộng đồng. Họ có thể thỏa thuận với nhau rằng người chồng một mình quản lý khối cộng đồng, hoặc là cả hai vợ chồng đều quản lý chung.

Chế độ phân sản

Chế độ thứ hai thường được lựa chọn là chế độ phân sản. Đó là chế độ hôn sản đơn giản nhất vì mỗi vợ chồng vẫn giữ nguyên quyền quản trị và sử dụng đối với tài sản của mình, họ chỉ phải cùng nhau đóng góp vào các chi tiêu chung trong gia đình mà thôi. Nhiệm vụ này trước hết thuộc về người chồng là chính, người này có nghĩa vụ phải chu cấp cho vợ mọi thứ cần thiết cho cuộc sống tùy theo khả năng của họ, hoặc tùy theo tài sản của họ có. Người vợ cũng có bốn phận đóng góp vào các chi tiêu chung trong gia đình căn cứ vào các nguồn lợi mà họ có thể có, trong việc quản lý tài sản riêng của họ hoặc làm một nghề nghiệp riêng.

2. Pháp luật về thừa kế là các quy tắc pháp lý quy định sự chuyển dịch cho một hay nhiều người còn sống các tài sản của một người chết đi để lại, tài sản này gọi là di sản và người được hưởng gọi là người thừa kế. Sự chuyển dịch tài sản ở đây có thể được thực hiện bằng hai cách: nếu không có một chứng thư của người quá cố gọi là di chúc, thì sự chuyển dịch đó sẽ do luật pháp quy định, đó là di sản không có chúc thư. Nếu có chúc thư, tức là một hành vi pháp lý đơn phương của người quá cố, thì việc chuyển dịch di sản do chúc thư chi phối, đó là di sản có chúc thư.

Luật thừa kế rất quan trọng về phương diện xã hội và kinh tế. Có quan điểm cho rằng khi một người chết đi, thì tài sản của người đó nên đem sung dụng vào công quỹ thay vì đem phân chia cho con cháu. Có lẽ chúng ta chẳng cần bàn cãi nhiều về quan điểm này, vì chế độ thừa kế trong nhiều thế kỷ đã ăn sâu vào tư tưởng và tục lệ của người dân Việt Nam. Luật Việt Nam đã quy định về vấn đề thừa kế từ lâu và đã nêu rõ nguyên tắc bình đẳng giữa các con cái, mọi người con đều được hưởng thừa kế ngang nhau đối với tài sản của cha mẹ.

Đoạn II - PHÁP CHẾ CỦA VIỆT NAM VỀ HÔN SẢN VÀ DI SẢN

Chế độ hôn sản đã được đề cập tới trong Luật Hôn nhân và Gia Đình (HN-GĐ) ban hành năm 1960 và trong Luật HN-GĐ ban hành năm 1987, Pháp luật về thừa kế đã được quy định trong Bộ Luật Dân sự 1995 từ đ.634 đến đ.689 và từ đ.738 đến đ.744 về thừa kế quyền sử dụng đất.

Trước đây, luật hôn sản và di sản cũng đã được quy định trong bộ Dân Luật Bắc (DLB) ban hành năm 1931 và bộ Dân Luật Trung (DLT) ban hành năm 1936. Hai bộ DLB và DLT đã được ban hành dưới thời Pháp thuộc và được phỏng theo bộ Dân Luật Pháp (DLP). Tuy nhiên về các vấn đề liên quan đến gia đình, nhà làm luật đã biết cách du nhập các phong tục tập quán của ta khiến cho các điều khoản của hai bộ luật liên hệ đến gia đình có tính cách đặc biệt mang sắc thái thuần túy dân tộc Việt Nam. Điều đó cũng dễ hiểu, vì tục lệ của ta từ ngàn xưa vẫn coi gia đình là nền tảng của xã hội, do đó gia đình đã sớm được tổ chức một cách chặt chẽ. Những tục lệ, những tập quán này đã được ghi chép lại trong các bộ cổ luật của ta như bộ luật Gia Long, bộ luật Hồng Đức và nhà làm luật tại Bắc Trung đã biết gom nhặt các điểm đặc sắc đó để tạo ra được một pháp chế thuần túy Việt Nam.

Trong khi đó, tại miền Nam trước đây, văn bản chính yếu về dân luật là tập Dân Luật Giâm Yếu (DLGY) được ban hành do sắc

lệnh ngày 03-10-1883, nhưng Sắc lệnh này tuyệt nhiên không đề cập gì đến vấn đề hôn sản và di sản. Vì vậy, nhiều khi Tòa án tại miền Nam trước đây đã phải viện dẫn đến bộ luật Gia Long hay bộ luật Hồng Đức để tìm giải pháp cho vụ tranh tụng. Sự thiếu sót này đã gây nên nhiều cuộc tranh luận hào hứng trong học thuyết, và khiến cho án lệ chiếm một địa vị tối quan trọng trong vấn đề hôn sản và di sản.

Sau khi Việt Nam tuyên bố độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký sắc lệnh số 90/SL ngày 10-10-1945 cho phép tạm thời giữ lại các luật lệ hiện hành tại Bắc, Trung và Nam bộ cho đến khi ban hành những Bộ Luật mới áp dụng cho Toàn quốc.

Cho mãi tới năm 1960 Luật hôn nhân gia đình mới ra đời và sau đó được thay thế bằng luật HNGD 1987. Còn về Luật thừa kế thì phải chờ đến năm 1990 chúng ta mới có pháp lệnh thừa kế, và nay thì pháp lệnh này đã bị hủy bỏ và được thay thế bằng các điều khoản về thừa kế trong Bộ Luật dân sự được Quốc Hội thông qua ngày 28-10-1995 (công bố ngày 9-11-1995) có hiệu lực từ ngày 1-7-1996 - Nhìn chung Bộ Luật dân sự đã lập lại các nguyên tắc cơ bản của pháp lệnh thừa kế nhưng có quy định thêm một số vấn đề không được đề cập tới hoặc không rõ ràng trong pháp lệnh.

*

MỤC LỤC

CHƯƠNG DẪN NHẬP

Phần thứ nhất

(quyển I)

CHẾ ĐỘ HÔN SÂN

<i>Chương I</i>	KHÁI NIỆM TỔNG QUÁT	14
<i>Chương II</i>	CHẾ ĐỘ HÔN SÂN PHÁP ĐỊNH TẠI MIỀN NAM TRƯỚC NĂM 1960	30
<i>Chương III</i>	CHẾ ĐỘ HÔN SÂN TẠI BẮC, TRUNG TRƯỚC NĂM 1960	41
<i>Chương IV</i>	CHẾ ĐỘ HÔN SÂN PHÁP ĐỊNH SAU NĂM 1960	52
<i>Chương V</i>	CÁC CHẾ ĐỘ HÔN SÂN BẤT THƯỜNG	81
<i>Chương VI</i>	QUỐC TẾ TƯ PHÁP	95

Phần thứ hai

CHẾ ĐỘ THỪA KẾ

CHƯƠNG DẪN NHẬP

<i>Tiết 1</i>	<i>THỪA KẾ THEO DI CHỨC</i>	<i>113</i>
<i>Chương I</i>	DI CHỨC	113
<i>Chương II</i>	ĐIỀU KIỆN VỀ HÌNH THỨC CỦA DI CHỨC	119
<i>Chương III</i>	SỰ VÔ HIỆU, TRUẤT BÀI VÀ THẤT HIỆU CỦA CHỨC THƯ	127

~~Thư pháp~~ ♥

Tiết 2 THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT	132
Chương I THỬ TỰ THỪA KẾ	132
Chương II QUYỀN THỪA HƯỞNG CỦA CÁC CON	141
Chương III QUYỀN THỪA KẾ CỦA VỢ CHỒNG	147
Chương IV ĐIỀU KIỆN THỪA HƯỞNG DI SẢN	158
Tiết 3 THANH TOÁN VÀ PHÂN CHIA DI SẢN	166
Chương I VIỆC TIẾP NHẬN DI SẢN	166
Chương II DI SẢN CHƯA CHIA	174
Chương III SỰ PHÂN PHỐI DI SẢN	179
Chương IV NHỮNG TỔ QUYỀN VỀ DI SẢN	184
Tiết 4 DI SẢN DÙNG VÀO VIỆC THỜ CÚNG	188
Tiết 5 QUỐC TẾ TƯ PHÁP	210